ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 3

MÔN: TIẾNG ANH 4 GLOBAL SUCCESS

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. LISTENING

I. Listen to the sounds and choose the correct words.

1. A. **p**ool	B. **c**ook	C. **g**o
2. A. wa**sh**	B. wat**ch**	C. **s**treet
3. A. b**i**g	B. str**ee**t	C. qu**i**et
4. A. **h**air	B. **r**ound	C. **l**ong

II. Listen and circle the choose pictures.

5.

A.

B.

C.

6.

A.

B.

C.

7.

A.

B.

C.

8. A.

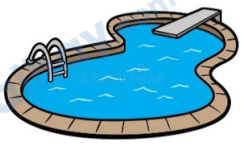

B. 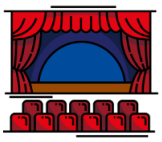

C.

B. VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

9. I _____ my mom with the cooking in the evening.

A. clean

B. help

C. wash

10. She buys clothes in the _____ on Sundays.

A. shopping centre

B. cinema

C. sports centre

11. He _____ long hair.

A. have

B. has

C. haves

12. My brother _____ at a hospital.

A. works

B. working

C. work

13. What does he look like? - _____.

A. He's an actor

B. He watches films

C. He's tall

14. _____ do you clean the floor? - I clean the floor in the morning.

A. What

B. When

C. Where

II. Look, read and choose the correct sentences.

15.

What does he look like?

A. He has short hair.

B. He's short.

C. He has long hair.

16.

What does your mother do?

A. She works in a nursing home.

B. She's a nurse.

C. She is a doctor.

17.

When do you read books?

A. I read books in the evening.

B. I read books at noon.

C. I read books in the morning.

18.

Where does Minh go on Sundays?

A. He goes to the swimming pool.

B. He goes to the park.

C. He goes to the bakery.

19.

What do you do in the afternoon?

A. I wash the clothes.

B. I watch TV.

C. I wash the dishes.

III. Read and complete the passage. Use the given words.

house cook swimming pool cinema

On Saturdays I often visit my best friend's house. She lives in a big (20) _____. There is a small (21) _____ in the garden. We swim there for hours. Then we go to the shopping mall. There is a (22) _____ where we often watch films together. Then we go back home and (23) _____ dinner.

IV. Rearrange the words to make correct sentences.

24. look/ she/ What/ like/ does/?/

_____.

25. live/ busy/ I/ street/ in/ a/./

_____.

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

A. LISTENING

I. Listen to the sounds and choose the correct words.

(Nghe các âm và chọn những từ đúng.)

1. **Bài nghe:** / g/ / g/

=> Chọn C

2. **Bài nghe:** / ʃ/ / ʃ/

=> Chọn A

3. **Bài nghe:** / ɪ/ / ɪ/

=> Chọn A

4. **Bài nghe:** / l/ / l/

=> Chọn C

II. Listen and choose the correct pictures.

(Nghe và chọn những bức tranh đúng.)

1.

Bài nghe:

What do you do in the evening?

(Bạn làm gì vào buổi tối?)

I cook meals.

(Tôi nấu ăn.)

=> Chọn C

2.

Bài nghe:

When do you wash the dishes?

(Khi nào bạn rửa bát đĩa?)

I wash the dishes in the afternoon.

(Tôi rửa bát địa vào buổi chiều.)

=> Chọn A

3.

Bài nghe:

What does your sister do?

(Chị gái bạn làm nghề gì?)

She's an office worker.

(Chị ấy là một nhân viên văn phòng.)

=> Chọn B

4.

Bài nghe:

Where does he go on Thursdays?

(Anh ấy đi đâu vào mỗi thứ Năm?)

He goes to the sports centre.

(Anh ấy đến trung tâm thể thao.)

=> Chọn C

B. VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

(Chọn đáp án đúng .)

9.

clean (v): lau, dọn dẹp

help (v): giúp đỡ

wash (v): rửa, giặt

I **wash** my mom with the cooking in the evening.

(Tôi giúp mẹ nấu ăn vào buổi tối.)

=> Chọn B

10.

shopping centre (n): trung tâm mua sắm

cinema (n): rạp chiếu phim

sports centre (n): trung tâm thể thao

She buys clothes in the **shopping centre** on Sundays.

(Cô ấy mua quần áo ở trung tâm thương mại vào mỗi Chủ Nhật.)

=> Chọn A

11.

"He" trong câu này là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít nên động từ chính trong câu phải được chia.

He **has** long hair.

(Cô ấy có mái tóc đen.)

=> Chọn B

12.

"My mother" trong câu này là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít nên động từ chính trong câu phải được chia.

My brother **works** at a hospital.

(Mẹ tôi làm việc ở một bệnh viện.)

=> Chọn A

13.

Câu hỏi hỏi về ngoại hình nên câu trả lời cũng cần mang thông tin về miêu tả ngoại hình.

What does he look like? - **He's tall**.

(Anh ấy trông như thế nào? - Anh ấy cao.)

=> Chọn C

14.

Vì câu hỏi mang thông tin về thời điểm nên câu hỏi cũng phải là câu hỏi về thời điểm, dùng "When".

When do you clean the floor? - I clean the floor in the morning.

(Khi nào bạn lau nhà? - Tôi lau nhà vào buổi sáng.)

=> Chọn B

II. Look, read and choose the correct sentences.

(Nhìn, đọc và chọn bức tranh đúng.)

15.

What does he look like?

(Anh ấy trông như thế nào?)

He has short hair.

(Anh ấy có mái tóc ngắn.)

=> Chọn A

16.

What does your mother do?

(Mẹ bạn làm nghề gì?)

She's a nurse.

(Bà ấy là một y tá.)

=> Chọn B

17.

When do you read books?

(Bạn đọc sách vào khi nào?)

I read books in the morning.

(Tôi đọc sách vào buổi sáng.)

=> Chọn C

18.

Where does Minh go on Sundays?

(Minh đi đâu vào mỗi ngày Chủ Nhật?)

He goes to the swimming pool.

(Anh ấy đến hồ bơi.)

=> Chọn A

19.

What do you do in the afternoon?

(Bạn làm gì vào buổi chiều?)

I wash the clothes.

(Tôi giặt quần áo.)

=> Chọn A

III. Read and complete the passage. Use the given words.

Đoạn văn hoàn chỉnh:

On Saturdays I often visit my best friend's house. She lives in a big (20) **house**. There is a small (21) **swimming pool** in the garden. We swim there for hours. Then we go to the shopping mall. There is a (22) **cinema** where we often watch films together. Then we go back home and (23) **cook** dinner.

Tạm dịch:

Vào thứ bảy tôi thường đến thăm nhà người bạn thân của tôi. Cô ấy sống trong một ngôi nhà lớn. Có một hồ bơi nhỏ trong vườn. Chúng tôi bơi ở đó hàng giờ liền. Sau đó chúng tôi

đi đến trung tâm mua sắm. Có một rạp chiếu phim, là nơi mà chúng tôi thường xem phim cùng nhau. Sau đó chúng tôi trở về nhà và nấu bữa tối.

IV. Rearrange the words to make correct sentences.

24. look/ she/ What/ like/ does/?/

What does she look like?

(Cô ấy trông như thế nào?)

25. live/ busy/ I/ street/ in/ a/./

I live in a busy street.

(Tôi sống trên một con phố nhộn nhịp.)